

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ C
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 78/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 24/9/2024
V/v Tranh chấp về hôn nhân và gia
đình - Ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Cẩm Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Đình Đoàn Hùng;
- Bà Bùi Thị Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 24 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 153/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2024 về việc: “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 295/2024/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 356/2024/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị Ngọc H, sinh năm 2003.

Địa chỉ thường trú: Tổ 30, khóm MP, Phường B, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp;

Chỗ ở hiện nay: Số 101/14, Tổ 38, Khóm B, Phường S, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

2. *Bị đơn:* Anh Cao Tr, sinh năm 1990.

Địa chỉ thường trú: Ấp SL, xã LT, huyện TĐ, tỉnh Sóc Trăng.

Chỗ ở hiện nay: Số 101/14, Tổ 38, Khóm B, Phường S, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị H có mặt, anh Tr vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/7/2024, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Bùi Thị Ngọc H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Ngọc H và anh Cao Tr kết hôn vào năm 2020, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 3, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 23 ngày 28/3/2023. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến đầu năm 2023 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do anh Tr thường xuyên đi nhậu về kiếm chuyện gây sự vô cớ và vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Trước đây, chị H đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh Tr nhưng anh Tr đã viết cam kết hứa sẽ sửa đổi bản thân nên chị H đã rút đơn khởi kiện để cho vợ chồng cơ hội hàn gắn tình cảm. Chị H nhận thấy từ khi rút đơn kiện cho đến nay anh Tr không thể sửa đổi bản thân và hiện nay chị H cũng đã không còn tình cảm với anh Tr, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu được ly hôn với anh Cao Tr.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Cao Gia Ph, sinh ngày 01/11/2021, hiện con chung đang sống chung với mẹ. Khi ly hôn, chị Bùi Thị Ngọc H yêu cầu nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh Cao Tr cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Cao Tr: Tòa án nhân dân thành phố C đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Tr nhưng anh Tr không có văn bản trình bày ý kiến về nội dung vụ án, không cung cấp tài liệu chứng cứ gì liên quan đến vụ án, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn chị Bùi Thị Ngọc H yêu cầu được ly hôn với bị đơn anh Cao Tr, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Cao Gia Ph, không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con, ngoài ra nguyên đơn, bị đơn không còn yêu cầu nào khác nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con”.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Anh Cao Tr là bị đơn trong vụ án có địa chỉ Số 101/14, Tổ 38, Khóm B, Phường S, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

[1.3] Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ đối với anh Cao Tr nhưng anh Cao Tr vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên căn cứ quy định tại

điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Ngọc H và anh Cao Tr tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 23 ngày 28/3/2023 tại Ủy ban nhân dân Phường 3, thành phố C nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Theo lời chị H trình bày, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến đầu năm 2023 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do anh Tr thường xuyên đi nhậu về kiếm chuyện gây sự vô cớ và vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Vào đầu năm 2024, chị H đã nộp đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Cao Tr tại Tòa án nhân dân thành phố C. Anh Cao Tr có làm tờ cam kết hứa sẽ sửa đổi bản thân để vợ chồng hàn gắn tình cảm. Chị H đã cho anh Tr cơ hội hàn gắn và rút đơn khởi kiện. Tòa án nhân dân thành phố C đã đình chỉ giải quyết vụ án theo quyết định đình chỉ số 06/2024/QĐST-HNGĐ ngày 21/02/2024. Tuy nhiên, chị H nhận thấy từ khi Tòa án đình chỉ giải quyết yêu cầu xin ly hôn của chị H cho đến nay anh Cao Tr không sửa đổi bản thân.

Hội đồng xét xử nhận định, trong quá trình chị H và anh Tr chung sống việc phát sinh mâu thuẫn là có thật. Đầu năm 2024, chị H đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh Cao Tr và cũng đã rút đơn khởi kiện để vợ chồng có cơ hội hàn gắn tình cảm nhưng đến nay anh chị cũng không thể hàn gắn lại tình cảm. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 24/9/2024, chị H xác định đã không còn tình cảm với anh Tr. Về phía anh Tr, mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Tr nhưng đến nay anh Tr vẫn không đến Tòa án trình bày ý kiến hay có văn bản thể hiện phản đối yêu cầu ly hôn của chị H và anh cũng không có hành động nào thể hiện ý muốn hàn gắn tình cảm với chị H. Do mâu thuẫn giữa chị H và anh Tr đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị Ngọc H, chị Bùi Thị Ngọc H được ly hôn với anh Cao Tr.

[2.2] Về con chung: Căn cứ lời khai của chị H và giấy khai sinh số 121, đăng ký tại Ủy ban nhân dân Phường 3, thành phố C ngày 20/7/2023, Hội đồng xét xử nhận định chị H và anh Tr có 01 con chung tên Cao Gia Ph, sinh ngày 01/11/2021, hiện con chung đang sống chung với chị H. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy con chung còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi, việc cháu Gia Ph do mẹ trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng sẽ tốt cho sự phát triển về mọi mặt của cháu, chị H cũng đủ điều kiện để nuôi con. Do đó, yêu cầu của chị H về việc được trực tiếp nuôi dưỡng con chung phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H xác định có đủ điều kiện để nuôi con, không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn chị Bùi Thị Ngọc H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Anh Cao Tr không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Ngọc H. Chị Bùi Thị Ngọc H được ly hôn với anh Cao Tr.

2. Về con chung: Chị Bùi Thị Ngọc H và anh Cao Tr có 01 con chung tên Cao Gia Ph, sinh ngày 01/11/2021, hiện con chung đang sống chung với chị H.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Ngọc H về việc được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Cao Gia Ph.

Sau khi ly hôn, chị Bùi Thị Ngọc H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Cao Gia Ph, sinh ngày 01/11/2021.

Sau khi ly hôn, người không được quyền nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Tr hợp người không được quyền nuôi con chung lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người được quyền nuôi con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không được quyền nuôi con chung.

Người được quyền nuôi con chung cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không được quyền nuôi con chung trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung: Chị H xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét

4. Về nợ chung: Chị H xác định vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí sơ thẩm: Chị Bùi Thị Ngọc H phải chịu 300.000 đồng án phí về hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012503 ngày 24/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C.

Anh Cao Tr không phải chịu án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị Ngọc H được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Cao Tr được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Tr hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKS TPCL;
- Tòa án Tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đoàn Thị Cẩm Hùng